TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 119/2025/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 82/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị **Nguyễn Thị Kim P** - sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: tổ 8, phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội.

+ Anh **Trần Tuấn A** - sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú: 206 E7, tập thể P, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội; cư trú tại: 3B ngõ 6, phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tuấn A kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2011 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Nay chị P, anh A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết công nhận anh chị thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị P, anh A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Trần Nhật Anh T (nam), sinh ngày 04/5/2012. Ly hôn, anh chị tự nguyện thỏa thuận để anh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị P cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ tháng 02/2025.

[3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị P, anh A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ: Chị P, anh A xác nhận vợ chồng không có khoản nợ nào chung (không vay nợ ai và không cho ai vay nợ) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị P, anh A tự nguyện thỏa thuận về việc chị P nộp tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, chị P, anh A không yêu cầu Toà án giải quyết việc gì khác.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim P và anh Trần Tuấn A.

- Về con chung: Chị P, anh A xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Trần Nhật Anh T (nam), sinh ngày 04/5/2012. Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của anh chị để anh A trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị P cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung được thực hiện từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền thay thế.

Chị P được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị P, anh A xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ: Chị P, anh A xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện của chị P, anh A về việc chị P nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 2970099 ngày 17/02/2025 ký bởi Công ty cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

VŨ LỆ QUYÊN